Thống kê TPDN

Giá trị phát hành trái phiếu sụt giảm trong tháng 10

Không xếp hạng

Tổng giá trị phát hành trái phiếu giảm mạnh

- Giá trị phát hành trái phiếu tháng 10 đạt 35.585 tỷ đồng (-53,82% t/t, -45,97% n/n. Giá trị phát hành 10T26 đạt 480.832 tỷ đồng, tăng 16.67% n/n (Hình 1).
  - Ngân hàng phát hành 29.963 tỷ đồng, chiếm 84,2%, tăng -36,6% t/t và -8,3% n/n. BIDV dẫn đầu với 10.150 tỷ đồng, theo sau là OCB với 6.000 tỷ đồng (Bảng 1).
  - Ngành Bất động sản phát hành 2.000 tỷ đồng, chiếm 5,6%, giảm -90,8% t/t và -91,2% n/n so với tháng trước (Hình 2). Vinhomes là tổ chức phát hành lớn nhất với 2.000 tỷ đồng.
- Lãi suất danh nghĩa bình quân tăng giảm 9,3% từ mức 9,8% trong tháng 10; trong đó lãi suất bình quân ngành Ngân hàng đạt 8,9% và ngành Bất động sản đạt 12,5% (Hình 3).
- Trái phiếu có kỳ hạn dưới 3 năm chiếm 74,6%, tiếp theo là kỳ hạn 3–5 năm (0,8%), 5–7 năm (20,2%), 7–10 năm (4,0%) và trên 10 năm (0,4%) (Hình 4).

Giá trị mua lại trái phiếu tập trung ở ngành Ngân hàng

- Giá trị mua lại tháng 10 đạt 23,568 tỷ đồng, giảm -9,4% t/t và giảm -34,0% n/n (Hình 5). Ngân hàng chiếm 21,415 tỷ đồng tương đương 91% tổng giá trị mua lại; lũy kế 10T26 đạt 251,432 tỷ đồng, giảm -44% n/n:
  - Techcombank (TCB) dẫn đầu giá trị mua lại với 5.000 tỷ đồng, đóng góp 21,2% tổng giá trị mua lại trong tháng (Bảng 4).
  - LPBank (LPB) mua lại tổng cộng 4.430 tỷ đồng, tương đương 18,8% tổng giá trị mua lại trong tháng 10.

Áp lực đáo hạn đang có xu hướng giảm dần

- Tổng giá trị chậm thanh toán trong tháng 10 giảm -38% t/t xuống 1.417 tỷ đồng. Trong đó, giá trị chậm trả gốc đạt 1.417 tỷ đồng (Hình 7).
  - Hưng Thịnh Land với 1.417 tỷ đồng chậm trả gốc.
- Tổng giá trị đáo hạn trong tháng 11 có thể đạt 8,535 tỷ đồng, -61% t/t (Hình 8), tập trung ở Bất động sản (58,1%) và Ngân hàng (23,5%) (Hình 9).
- Viecombank, Vạn Trường Phát và Sài Gòn Glory đối mặt với áp lực đáo hạn lớn, lần lượt là 2.000 tỷ đồng, 2.000 tỷ đồng và 1.262 tỷ đồng trong tháng 11 (Bảng 6).

Giao dịch thị trường thứ cấp tăng trong tháng 10/2026

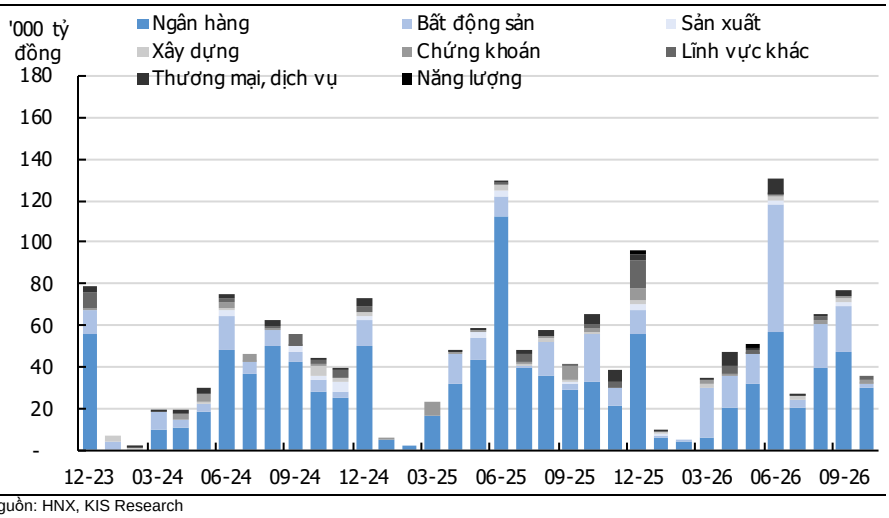
- Trong tháng 10, tổng giá trị giao dịch trái phiếu trên thị trường thứ cấp tăng 18,3% t/t và 80,6% n/n, đạt 174,561 tỷ đồng (Hình 10).
- Giao dịch trên thị trường thứ cấp tập trung chủ yếu ở ngành Bất động sản (63%) và Ngân hàng (20%) (Hình 11).
- Trung bình lợi suất trái phiếu đạt đến 8,5% vì lợi suất ngành Bất động sản tăng đến 8,7%. Trong khi đó, ngành Ngân hàng tăng lên 7,8% (Hình 12).

Phòng Phân Tích
research@kisvn.vn

Analysts who prepared this report are registered as research analysts in Vietnam but not in any other jurisdiction, including the U.S.
PLEASE SEE ANALYST CERTIFICATIONS AND IMPORTANT DISCLOSURES & DISCLAIMERS AT THE END OF THIS REPORT.

Trong tháng 10, tổng giá trị phát hành trái phiếu đạt 35.585 tỷ đồng, giảm -45.97% t/t và giảm -53.82% n/n.

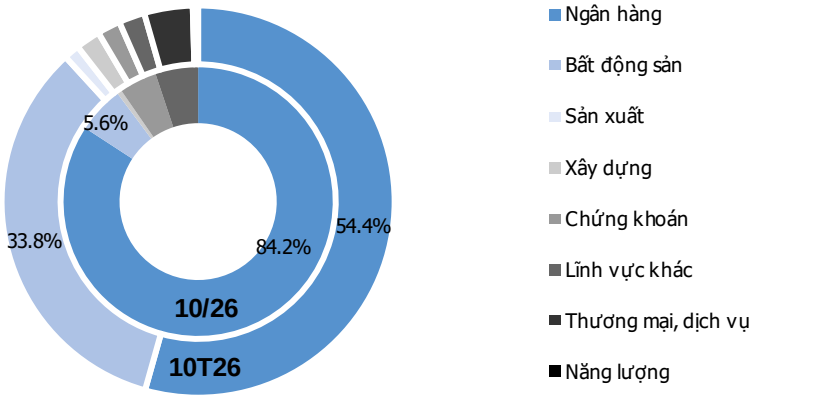
Hình 1. Tổng giá trị phát hành mới trong tháng 10 năm 2026



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Ngành Ngân hàng chiếm tỷ trọng phát hành lớn nhất trong tháng 10/2026, đạt 84,2% với tổng giá trị 35.585 tỷ đồng.

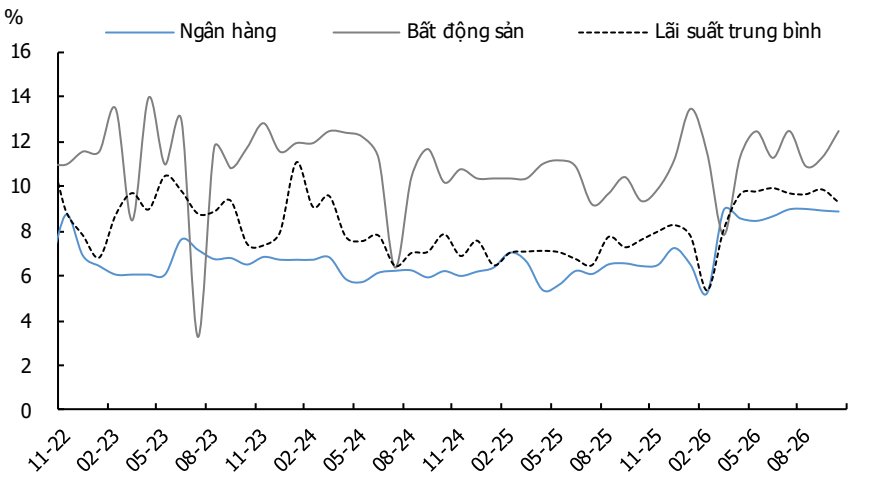
Hình 2. Ngành ngân hàng ghi nhận giá trị cao nhất trong tháng 10



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Lãi suất danh nghĩa bình quân giảm đến 9.3 %. Trong đó, ngành Ngân hàng duy trì ở mức 8,9%, trong khi ngành Bất động sản tăng lên 12,5%

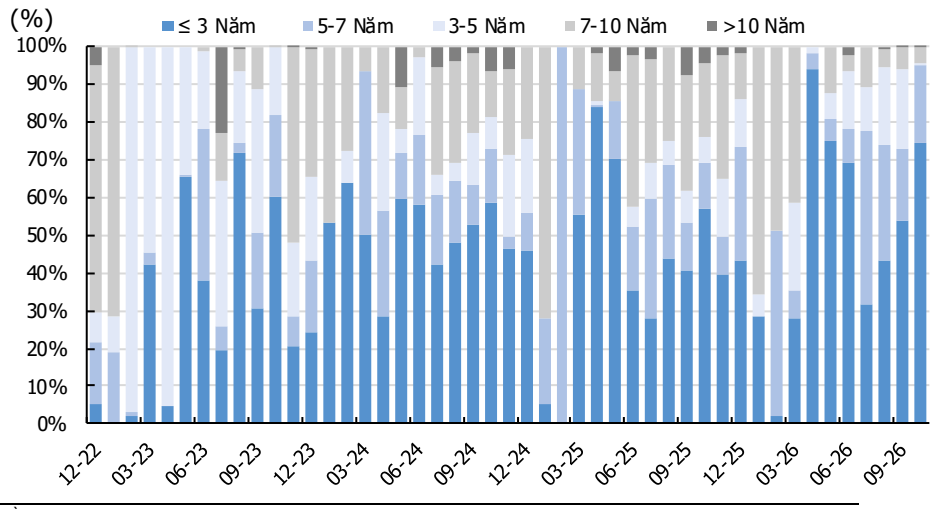
Hình 3. Lãi suất danh nghĩa trung bình bất động sản tăng trong tháng 10



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Trái phiếu có kỳ hạn từ 3 năm trở xuống chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 74,6% tổng giá trị phát hành.

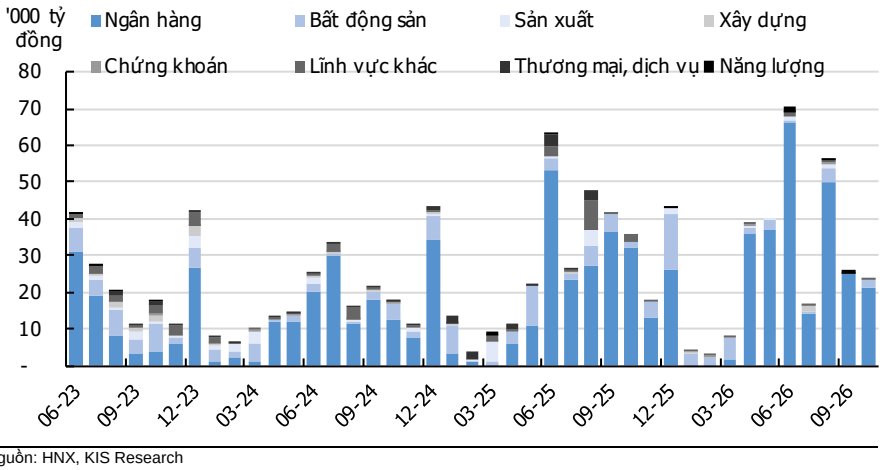
Hình 4. Cơ cấu kỳ hạn tập trung chủ yếu ở mức dưới 3 năm



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Tổng giá trị mua lại trái phiếu trong tháng 10/2026 đạt 22,568 tỷ đồng, giảm 34% n/n.

Hình 5. Giá trị mua lại trong tháng 10 giảm -34% n/n



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Bảng 1: Tổng giá trị phát hành mới tháng 10/2026 (tỷ đồng, tháng, %)

Tổ chức phát hành	Tháng	Ngành	Khối lượng	Kỳ hạn	Lãi suất
BID	10	Ngân hàng	10.150	36 - 168	8 - 8,2
OCB	10	Ngân hàng	6.000	24 - 36	9
STB	10	Ngân hàng	4.500	72	9,5 - 9,6
TCB	10	Ngân hàng	4.000	36	8,8
PCB	10	Ngân hàng	2.580	84 - 120	9,6 - 10,5
VHM	10	Bất động sản	2.000	36	12,5
CTDC	10	Khác	1.200	36	12,5
BAB	10	Ngân hàng	1.083	84	8,7 - 8,9
VDS	10	Chứng khoán	640	12	9,7
VIB	10	Ngân hàng	500	84	9,4
KAFC	10	Chứng khoán	500	12	9,7
SHS	10	Chứng khoán	462	12	10,5
KLB	10	Ngân hàng	450	84	7,35
LPB	10	Ngân hàng	400	72 - 84	9,68
BECC	10	Khác	320	120	7,4
Tổng			**63.057**		

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Bảng 2: Các tổ chức phát hành và nhóm ngành lớn nhất 2025 (tỷ đồng, tháng, %)

Ngành/ Tổ chức phát hành lớn	Bên liên quan	Khối lượng	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng		**412.680**		
Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	Masan Group	52.750	24 - 36	5 - 7,2
Ngân hàng Á Châu (ACB)		36.850	24 - 60	4,9 - 7
Ngân hàng Phương Đông (OCB)		36.400	24 - 36	5,1 - 6,9
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)		32.303	24 - 240	5,7 - 6,7
Ngân hàng Quân đội (MB)	Viettel, Tân Cảng Sài Gòn	32.174	36 - 120	5 - 7,28
Ngân hàng Thịnh vượng và Phát triển (VPBank)		30.400	24 - 36	5,2 - 7,6
VBAC		27.470	24 - 180	0 - 6,7
Ngân hàng Quốc tế (VIB)		21.200	24 - 96	5,6 - 7,5
Ngân hàng Phát triển TP.HCM (HDBank)	Sovico Group	20.362	24 - 96	0 - 7,9
Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam (LPBank)		18.550	36 - 120	5,8 - 7,6
Ngân hàng Tiên Phong (TPBank)		17.241	24 - 120	5,5 - 8,18
Bất động sản		**138.229**		
Tập đoàn Vingroup		31.000	24 - 36	11 - 12,5
Công ty Cổ phần Vinhomes	Vingroup	19.500	39 - 42	11 - 12
Bất động sản Trường Minh		10.000	12 - 36	8,9 - 9,8
Sản xuất		**18.464**		
Sản xuất và Kinh doanh VinFast	Vingroup	12.500	36	12 - 12,5
Tập đoàn Trường Hải (THACO)		2000	60	8,5
Goldsun		800	36	10,8
Dịch vụ chứng khoán		**18.098**		
Chứng khoán VPS		5.000	24	8,3
Chứng khoán Rồng Việt		2.960	12	8 - 8,2
Thương mại và dịch vụ		**12.360**		
Cáp treo Dịch vụ Bà Nà		3.230	55- 60	9,7 -10,5
Xây dựng		**9.335**		
Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)		3.280	60 – 120	8,5 – 10,25
Khác		**22.533**		
Hàng không Vietjet	Sovico Group	10.500	60 - 84	9,72 - 10,5
Phát triển Hạ tầng Nam Quang		4.500	84 - 108	9 - 9,1
	Tổng	**632,839**		

Nguồn: HNX, KIS Research
Note: Data as of Dec 2025

Bảng 3: So sánh lãi suất và giá trị phát hành ngành Ngân hàng giữ 2025 và 10T26 (tỷ đồng, tháng, %)

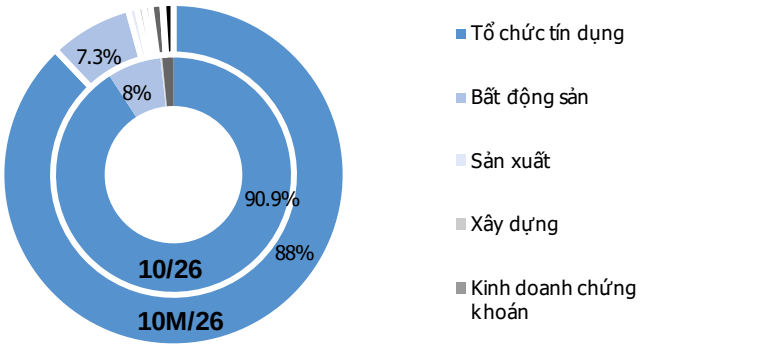
Tổ chức phát hành	Ngành	2025			9T26		
		Khối lượng	Kì hạn	Lãi suất	Khối lượng	Kì hạn	Lãi suất
TCB	**Ngân hàng**	52.750	24 - 36	5 - 7,2	42.000	24 - 36	8,4 - 9
STB	**Ngân hàng**	-	-	-	28.280	24 - 120	8,5 - 10
MBB	**Ngân hàng**	32.174	36 - 120	5 - 7,28	23.100	36 - 120	8 - 9,2
HDB	**Ngân hàng**	20.361.6	24 - 96	0 - 7,9	24.900	36 - 96	8,3 - 9,2
BID	**Ngân hàng**	32.303	24 - 240	5,68 - 6,68	29.058	36 - 240	5,2 - 8,25
LPB	**Ngân hàng**	18.550	36 - 120	5,8 - 7,6	13.800	24 - 84	8,5 - 9,68
VIB	**Ngân hàng**	21.200	24 - 96	5,6 - 7,5	13.800	24 - 84	8,5 - 9,68

BAB	**Ngân hàng**	12.500	24 - 84	5,4 - 7,5	12.800	36 - 84	8,9 - 9,4
VPB	**Ngân hàng**	30.400	24 - 36	5,2 - 7,6	10.383	24 - 84	8,4 - 9
TPB	**Ngân hàng**	17.241	24 - 120	5,5 - 8,18	7.600	36	8 - 9
OCB	**Ngân hàng**	36.400	24 - 36	5,1 - 6,9	9.870	36 - 120	8,85 - 9,9
CTG	**Ngân hàng**	16.350	96 - 180	4,9 - 6,35	17.000	24 - 36	8 - 9
VCB	**Ngân hàng**	4.000	24	4,8 - 5,8	6.221	95,9	6,45
MSB	**Ngân hàng**	13.180	36 - 84	5,2 - 6,8	5.950	48 - 120	7,87 - 8
SHB	**Ngân hàng**	13.030	83,9	7 - 8,2	5.000	36	8,4 - 8,45
NAB	**Ngân hàng**	2.960	36 - 84	5,6 - 7	4.000	72 - 84	9,5 - 9,7
ACB	**Ngân hàng**	36.850	24 - 60	4,95 - 7	3.244	24 - 84	8 - 9,7
HCVC	**Ngân hàng**	3.600	24 - 36	6,8 - 7,1	3.130	24 - 120	8 - 8,5
BVCC	**Ngân hàng**	-	-	-	2.800	24 - 36	9,5 - 9,8
VBB	**Ngân hàng**	2.500	83,9	7,4 - 8,2	2.000	119,8	9,63
PCB	**Ngân hàng**	-	-	-	1.500	83,9	9,7
VAB	**Ngân hàng**	391	82 - 84	7,475 - 8	6.580	84 - 120	9,6 - 10,5

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Ngành Ngân hàng chiếm ưu thế trong hoạt động mua lại trái phiếu, đóng góp 91% tổng giá trị mua lại trong tháng 9/2026.

Hình 6. Ngành Ngân hàng chiếm ưu thế về giá trị mua lại trong tháng 10



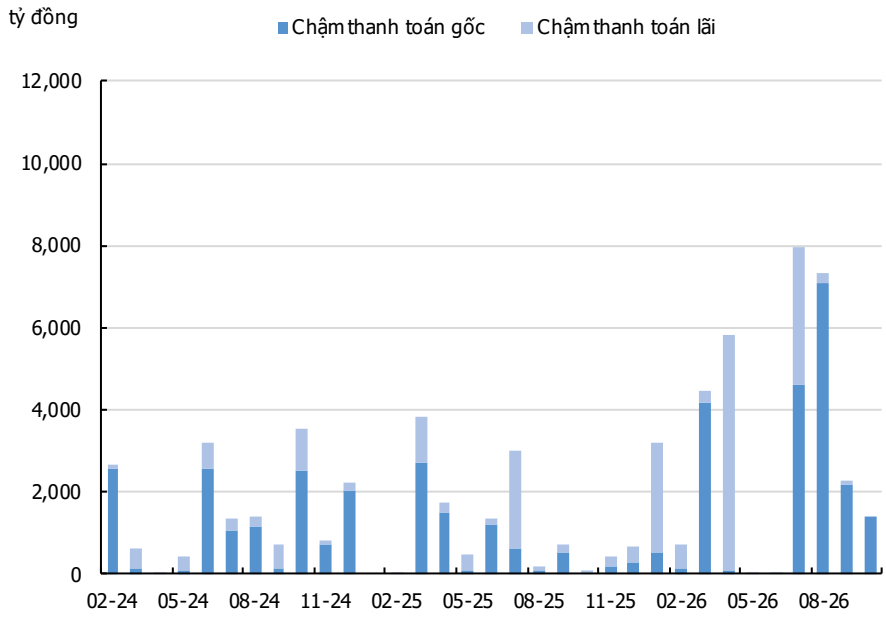
Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Bảng 4. 8 Tổ chức với giá trị mua lại lớn nhất trong tháng 10 (tỷ đồng)

Tổ chức	Ngành	Khối lượng	Giá trị còn lại
TCB	Ngân hàng	5.000	0
LPB	Ngân hàng	4.430	0
ABB	Ngân hàng	3.500	0
VIB	Ngân hàng	3.000	0
OCB	Ngân hàng	2.600	0
HDB	Ngân hàng	2.000	0
PDCC	Bất động sản	900	300
TPB	Ngân hàng	885	122
	Tổng	**23,568**	

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Hình 7. Khối lượng chậm thanh toán trong tháng 10 năm 2026



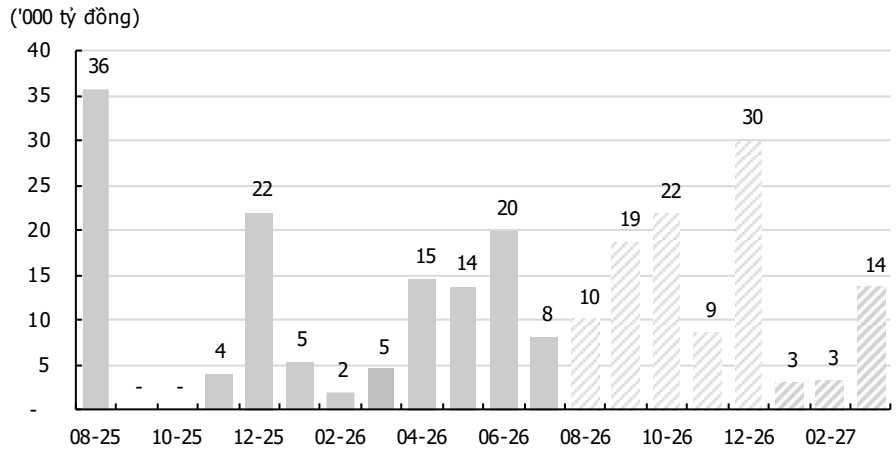
Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Bảng 5: Tổ chức phát hành chậm thanh toán trái phiếu tháng 10/2026 (tỷ đồng)

Tổ chức phát hành	Ngành	Trả chậm gốc	Trả chậm lãi
Hưng Thịnh Land	Bất động sản	1.417	0
Tổng		**1.417**	**0**

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Hình 8. Áp lực đáo hạn có thể tăng trong tháng 11 năm 2026

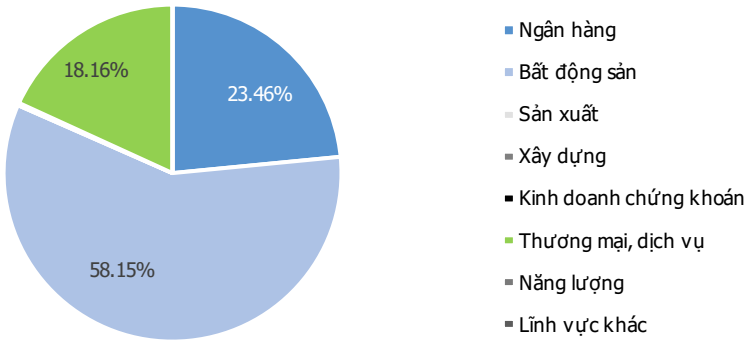


Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Tổng giá trị đáo hạn trong tháng 11 đạt 8.535 tỷ đồng, giảm 61% t/t.

Áp lực đáo hạn tập trung ở ngành Bất động sản (58%) và ngân hàng (23.5%)

Hình 9. Ngành Bất động sản và Dịch vụ chứng khoán chịu áp lực trong tháng 11



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Bảng 6: Top 10 tổ chức phát hành có thể đối mặt với áp lực đáo hạn cao nhất trong tháng 11

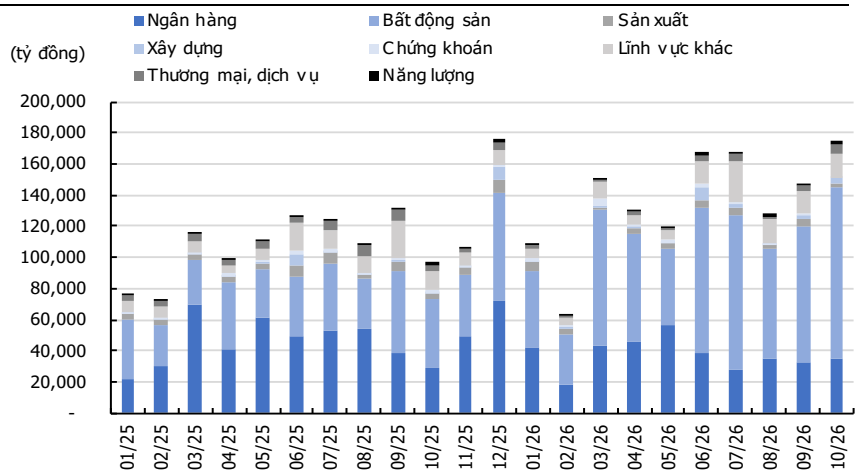
(tỷ đồng)

Tổ chức phát hành	Mã	Ngành	Giá trị
Vietcombank	VCB	Ngân hàng	2.000
Vạn Trường Phát		Bất động sản	2.000
Saigon Glory		Bất động sản	1.262
Sunshine AM		Bất động sản	1.000
Tập đoàn Sovico		Thương mại và dịch vụ	1.000
TNR Holdings		Bất động sản	700
MB Shinsei		Dịch vụ tài chính	450
F88	F88	Dịch vụ tài chính	100
Tập đoàn Chương Dương	CDC	Bất động sản	20
TPBank	TPB	Ngân hàng	2

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Trong tháng 9, tổng giá trị giao dịch trái phiếu trên thị trường thứ cấp tăng 18% t/t và 80% n/n, đạt 174.561 tỷ đồng.

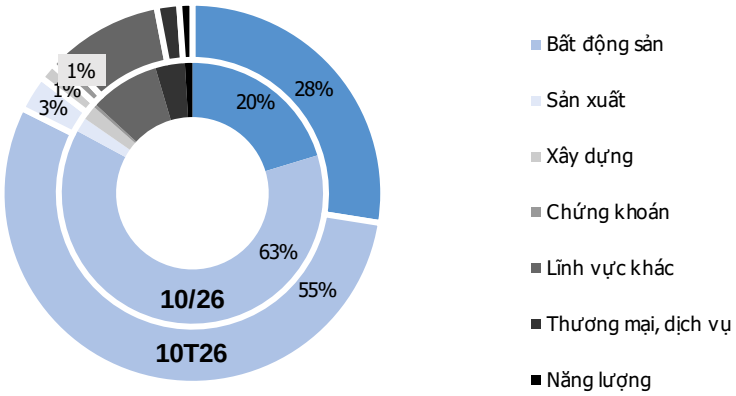
Hình 10. Tổng giá trị giao dịch thứ cấp tháng 10/2026



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Giao dịch trên thị trường thứ cấp tập trung chủ yếu ở ngành Bất động sản (63%) và Ngân hàng (20%).

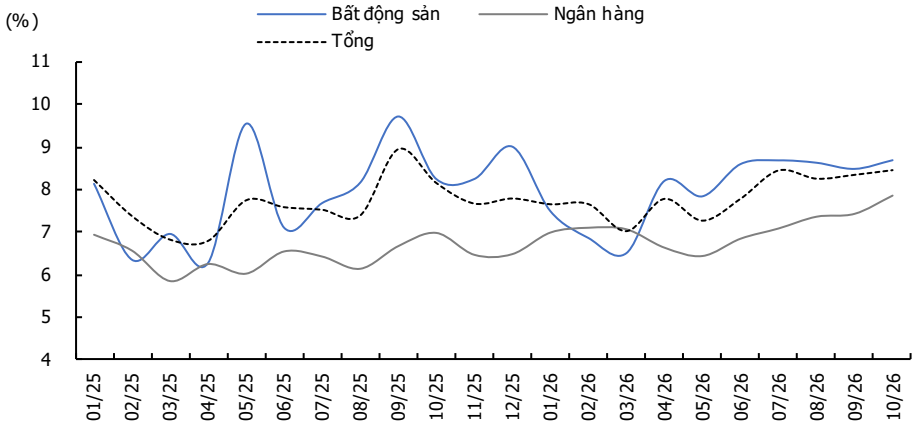
Hình 11. Bất động sản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị giao dịch tháng 10



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

Trung bình lợi suất trái phiếu đạt đến 8,5% vì lợi suất ngành Bất động sản tăng đến 8,7%.

Hình 12. Lợi suất trái phiếu các ngành bật tăng trở lại trong tháng 10/2026



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 09/11/2026

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- KIS Vietnam Securities Corp. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, KIS Vietnam Securities Corp. và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc cá bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 6/09/2026.
KIS Vietnam Securities Corp. đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.
Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 6/09/2026.

Người thực hiện: Phòng phân tích

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tại liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình Biểu đồ tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình Biểu đồ tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Copyright ⓒ 2025 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.